TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 14-4-2023
"Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Huệ

Ông Lưu Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nđ, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp XL A, xã TT, huyện An Minh, Kiên Giang; có mặt

Bị đơn: Anh Võ Phi Bđ, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp NT, xã VKĐ, huyện An Minh, Kiên Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09-8-2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nđ trình bày và yêu cầu như sau:

Chị Nđ và anh Bđ cưới nhau vào năm 2019; anh chị sống chung nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung có 01 đứa con chung tên Võ

Nguyễn Chí Lq1, sinh ngày 15/3/2020; hiện đang sống chung với chị Nđ.

Quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn, nên sau khi sinh con được 4 tháng chị Nđ về nhà cha mẹ ruột sống. Đến ngày 25/8/2020 anh chị tự làm thỏa thuận ly hôn trước sự chứng kiến của gia đình hai bên.

Chị Nđ khởi kiện xin ly hôn với anh Bđ; về con chung chị Nđ xin nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản không tranh chấp, không yêu cầu gì.

Bị đơn anh Võ Phi Bđ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn vắng mặt nên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định, việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nđ với anh Bđ; về con: giao chị Nđ nuôi cháu Lq1, anh Bđ không cấp dưỡng nuôi con; tài sản, nợ không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo tài liệu: xác nhận đề ngày 09-8-2022 của Ban lãnh đạo ấp NT, xã VKĐ cho thấy anh Bđ có nơi cư trú là ở ấp NT, xã VKĐ, huyện An Minh nên Tòa án nhân dân huyện An Minh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Bđ đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Bđ vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Bđ.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị Nđ và anh Bđ chung sống với nhau vào năm 2019; quá trình chung sống có 01 con chung tên Võ Nguyễn Chí Lq1, sinh ngày 15/3/2020. Tuy nhiên, anh chị chưa thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Như vậy, mặc dù chị Nđ và anh Bđ sống chung trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện kết hôn nhưng do anh, chị không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng"* và tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình quy định *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này"*. Đối chiếu với quy định nêu trên, nay chị Nđ có yêu cầu ly hôn với anh Bđ, Tòa án thụ lý vụ việc và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nđ với anh Bđ.

[3] Về con chung, anh chị có 01 con chung tên Võ Nguyễn Chí Lq1, sinh ngày 15/3/2020, hiện đang sống chung với chị Nđ. Thấy rằng thời gian qua cháu được chăm sóc tốt; anh Bđ cũng không có ý kiến gì trong việc nuôi con. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Lq1 cho chị Nđ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bđ không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn do chị Nđ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị Nđ không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí, nguyên đơn chị Nđ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Nđ và anh Võ Phi Bđ.

2- Về nuôi con chung: Giao con chung là Võ Nguyễn Chí Lq1, sinh ngày 15/3/2020, hiện đang sống chung với chị Nđ, cho chị Nđ tiếp tục nuôi dưỡng, anh Bđ không cấp dưỡng nuôi con do chị Nđ không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3- Về tài sản và nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

4- Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Nđ chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0000978 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, chị Nđ đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5- Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị Nđ, vắng mặt bị đơn anh Bđ. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14-4-2023); bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công